

CÔNG TY CỔ PHẦN CORE 9 VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CORE 9 VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CORE 9 VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CORE 9 VIET NAM ,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108057788

3. Ngày thành lập: 13/11/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 22, ngõ 575 phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0942135885

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà các loại	4100
2.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210(Chính)
3.	Phá dỡ	4311
4.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
5.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
6.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
7.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
8.	Khai thác gỗ	0221
9.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
10.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
11.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
12.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
13.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
14.	Bốc xếp hàng hóa	5224
15.	Đại lý du lịch	7911
16.	Điều hành tua du lịch	7912
17.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
18.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
19.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
20.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530

21.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
22.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
23.	Đúc sắt, thép	2431
24.	Đúc kim loại màu	2432
25.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
26.	Cho thuê xe có động cơ	7710
27.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
28.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
29.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
30.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
31.	Xây dựng công trình công ích	4220
32.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
33.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
34.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
35.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
36.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
37.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
38.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
39.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
40.	Quảng cáo	7310
41.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
42.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
43.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
44.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
45.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
46.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
47.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
48.	Bán buôn gạo	4631
49.	Bán buôn thực phẩm	4632
50.	Bán buôn đồ uống	4633
51.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
52.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
53.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
54.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
55.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
57.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
58.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
59.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
60.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
61.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
62.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
63.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
64.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
65.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
66.	In ấn	1811
67.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
68.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá);	4791
69.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
70.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
71.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
72.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
74.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
75.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
76.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
77.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
78.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
79.	(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI VĂN CƯỜNG	Số 5, ngõ 10, tổ 1, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	104.500	1.045.000.000	55,000	033084003571	
			Tổng số	104.500	1.045.000.000	55,000		
2	NGUYỄN VIỆT HƯƠNG	P224 nhà D2, phố Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	57.000	570.000.000	30,000	012130254	
			Tổng số	57.000	570.000.000	30,000		
3	ĐẶNG THỊ LÝ	Số 5, ngõ 10. tổ 1, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	28.500	285.000.000	15,000	025184001018	
			Tổng số	28.500	285.000.000	15,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI VĂN CUƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/09/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033084003571

Ngày cấp: 16/03/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 5, ngõ 10, tổ 1, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 5, ngõ 10, tổ 1, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội